

ĐẦU XUÂN BÀN VỀ TU BỔ, BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VIỆT

ĐOÀN BÁ CỬ

Người Việt ta, đầu xuân thường thành kính đến với những di tích - những di sản văn hoá vật thể và lắng nghe lời nhắn nhủ từ cội nguồn tiên tổ, núi sông. Di sản văn hoá là tài sản truyền đời quý giá, là cốt lõi của truyền thống bản sắc dân tộc, là một hành lang thiết yếu để Việt Nam vững vàng hội nhập và phát triển. Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể. Nhưng di sản văn hoá vật thể thường là nơi hội tụ, là căn cốt vật chất để lưu giữ bảo tồn cái hồn di sản phi vật thể.

Với mong muốn những điều tốt lành nhất cho bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, đầu xuân này chỉ xin bàn về việc tu bổ di tích lịch sử văn hoá cùng với môi trường cảnh quan xung quanh di tích, nhất là với những di sản văn hoá gắn với tín ngưỡng và tâm linh dân tộc.

Nhớ lại, từ mùa xuân 1994 khởi sự việc chống xuống cấp di tích thông qua chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá, đặc biệt là từ khi có Luật di sản văn hoá, các hoạt động tu bổ, bảo tồn di tích, do nhận được sự quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, nên đã có bước phát triển mới và đạt nhiều thành tựu to lớn. Chương trình mục tiêu quốc gia đã thực sự như một động lực mở ra mùa xuân hồi sinh cho di tích và văn hoá Việt Nam.

Những năm cuối thế kỷ XX, các dự án đầu

tu tu bổ di tích thường chỉ đặt mối quan tâm chủ yếu vào chống xuống cấp, bảo tồn các hạng mục chính của di tích, cùng lắm mới mở rộng đến giải phóng mặt bằng trả lại cho khuôn viên hoặc tu bổ tôn tạo ít nhiều toàn khuôn viên di tích. Mâu thuẫn phải giải quyết bây giờ chủ yếu là giữa khả năng nguồn vốn đầu tư với nhu cầu tu bổ bảo tồn, sau đấy mới là mâu thuẫn giữa các quan điểm tu bổ truyền thống hoặc dân dã với khoa học hiện đại. Các mâu thuẫn khác như giữa bảo tồn và phát triển, giữa kinh tế và văn hoá chưa trở thành vấn đề lớn. Các lực lượng tham gia cũng chủ yếu là các đơn vị chuyên ngành, tính cạnh tranh thị trường chưa cao. Tuy quy mô còn hạn chế nhưng nhiều dự án hoàn thành bấy giờ đã được giới chuyên môn và bạn bè quốc tế đánh giá cao như công cuộc tu bổ chùa Tây Phương (Hà Tây), chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội)... Từ những quan điểm khoa học bảo tồn hiện đại, cùng với kỹ thuật vật liệu truyền thống và điều kiện, đặc điểm riêng của di tích nước ta đã hình thành dần một trường phái tu bổ di tích để bảo tồn những di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật Việt Nam.

Gần đây, với sự phát triển của tiềm lực kinh tế và yêu cầu bảo tồn, phục hồi, tôn tạo phát huy tác dụng, để đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc sống mới trong khu di tích và trong cả

vùng lãnh thổ, các dự án đầu tư bảo tồn, tôn tạo đã tích hợp nhiều nội dung và mục tiêu hơn, phạm vi được quan tâm cũng rộng lớn hơn, các mâu thuẫn cũ không mất đi, mà lại thêm sự phát triển của các mâu thuẫn mới. Điều đó có nghĩa là, việc nghiên cứu lập/quyết định giải pháp cho dự án và quản lý trong phạm vi một dự án tu bổ tôn tạo di tích sẽ phải giải quyết nhiều loại mâu thuẫn hơn và ở mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, việc quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong khu vực ảnh hưởng đến di tích, thì việc quản lý đầu tư tu bổ di tích lịch sử văn hoá lại như quản lý đầu tư một công trình xây dựng thông thường, cùng với cơ chế thị trường, xã hội hoá với quá nhiều lực lượng thiếu chuyên môn tham gia vào tu bổ và khai thác di tích đã đặt các di tích trước những nguy cơ tổn hại giá trị to lớn, thậm chí cả sự mất còn của di tích, đặt những nhà quản lý và thực hiện bảo tồn di tích trước những bài toán khó hơn trong toàn ngành và trong từng dự án.

Để góp phần tìm lời giải, trước tiên ta hãy thử lại một lần tìm về những đặc điểm của di tích và cách làm trọng sáng truyền thống. Lịch sử trùng tu tôn tạo những công trình cổ và "địa chỉ văn hoá" tiêu biểu mà ngày nay chúng ta gọi là di tích đã có bề dày hàng nghìn năm trên đất Việt. Có thể kể từ khi Lý Nam Đế thành lập nước Vạn Xuân và dựng ngôi chùa Khai Quốc. Chỉ riêng tên chùa với vị trí dựng trên nền cũ của đền An Trì (tương truyền có từ thời Hồng Bàng) đã hàm chứa biết bao ý nghĩa sâu sắc về việc kế thừa và phát huy quốc thống, đã mang mục tiêu "bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hoá" như cách nói của chúng ta ngày nay. Cũng từ đây, người Việt có truyền thống là các thời kỳ sau thường tu bổ theo phương thức hòng đầu sửa đấy, hoặc bổ sung thành tố, hoặc dựng lại những công trình thời trước để sử dụng theo mục đích cũ, hoặc để tưởng niệm tôn vinh các nhân vật anh hùng, sự tích anh hùng thời trước và thường là bằng kiến trúc nghệ thuật đương thời. Và như thế, dưới tác động hữu thức hay vô thức (của tự nhiên và xã hội) lần tu bổ này lại nối tiếp tu bổ tôn tạo khác để truyền lại di sản cho chúng ta tới ngày nay. Truyền thống đó phải chăng là đặc điểm, là "tính xác thực" của di tích Việt, và là một khía cạnh bản sắc của tu bổ di tích Việt Nam.

Rõ ràng là, người Việt có những hoàn cảnh, điều kiện, quan niệm riêng trong sáng tạo gìn giữ những công trình cổ của mình và đưa chúng những đặc điểm giá trị riêng. Hệ giá trị của di tích lịch sử - văn hoá Việt Nam rất phong phú, gắn kết mật thiết với lịch sử - văn hoá nhưng đậm đặc hơn, thường là với tinh thần và tình cảm dân tộc. Vì thế, không giống như phần lớn những di tích gạch đá bền vững ở Châu Âu, ý nghĩa phổ quát và nổi trội của ngay cả loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật không phải chỉ thuần là nghệ thuật, càng hiếm khi là nghệ thuật của một thời; cũng không phải chỉ là thành tựu kiến trúc hay lịch sử văn hoá vật chất, mà là quá trình phát triển liên tục, gắn kết với lịch sử, tinh thần và tình cảm truyền thống của dân tộc. Hầu hết chúng không còn như thời khởi dựng, chúng không "nhất thành bất biến", chúng đang là "di tích sống", hoặc thuộc về dạng công trình tưởng niệm tôn vinh.

Diễn biến của di tích xác nhận rằng, mặc dù di tích được khởi dựng từ thời "cổ tích" nào, thì trên tổng thể phổ biến, hiện trạng kiến trúc còn lại chủ yếu thuộc về thời Lê - Nguyễn. Từ xưa, công việc tu bổ tôn tạo công trình, đều có linh hoạt về hình hài để đáp ứng yêu cầu mới, nhưng vẫn phải bảo tồn và phát huy linh hồn và tinh thần Việt, đó là điều đã trở thành truyền thống, thành thuộc tính trong bảo tồn di tích Việt Nam. Bảo tồn và tôn tạo thường song hành trong tu bổ di tích - di sản văn hoá Việt Nam xưa.

Về khoa học hiện đại đối với bảo tồn di tích: Các Hiến chương và Công ước Quốc tế vốn xuất phát từ thực tiễn và đặc điểm di tích gạch đá bền vững ở Châu Âu, đến cuối thế kỷ XX dần "hành trình về phương Đông" qua tinh thần của "Văn kiện Nara về tính xác thực". Điều này không có ý nghĩa là phủ định các tinh thần khoa học phổ quát của nó, mà trái lại là cụ thể hoá việc áp dụng khoa học đó trong điều kiện, đặc điểm xác thực của di tích và truyền thống văn hoá của mỗi nước phương Đông. Từ năm 1964, chính "Hiến chương Venice đã kêu gọi "từng nước phải có trách nhiệm áp dụng các nguyên tắc chung của Hiến chương trong khuôn khổ của nền văn hoá và truyền thống riêng của mình". Lịch sử - văn hoá và di tích Việt Nam có những đặc sắc truyền thống riêng, phải gìn giữ

Đoàn Bá Cử: *Đấu xuân bàn về tu bổ...*

cái phù hợp, cái bản sắc và tiếp thu cái hiện đại. Ta phải đi học khắp các nơi để về sáng tạo làm theo cách của mình. Không chỉ như ông cha, mà càng không phải chỉ như nước khác. Đó phải chăng là bài học thành công của Việt Nam không chỉ trong tu bổ, giữ gìn di sản văn hoá, mà phải chăng còn là con đường "đến hiện đại từ truyền thống Việt Nam".

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy rằng, những ý kiến khác nhau, nhiều khi nổi cộm lên, như: Có thể phục dựng di tích mà không thể có đầy đủ cơ sở khoa học được hay không? phục dựng theo phong cách thời kỳ nào? có thể lấp đầy khoảng trống trong lịch sử hoặc khắc hoạ rõ nét hơn những khoảng mờ trong lịch sử - văn hoá và nhân vật lịch sử thông qua phục hồi, tôn tạo di tích được hay không? Có thể đặt dấu ấn nhất định của thời đại mới vào trong di tích được hay không? có thể xê dịch vị trí, mở rộng hoặc thu hẹp khuôn viên di tích, gắn kết di tích thích nghi với những yêu cầu của đời sống phát triển được hay không?... là hoàn toàn giải được về nguyên tắc.

Cho đến nay, nước ta còn hơn 40 nghìn di tích. Trong đó có hơn 3 nghìn di tích được xếp hạng di tích Quốc gia và hơn 4 nghìn di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Giá trị và đặc điểm của các loại hình di tích và các di tích không giống nhau mà nổi lên chính yếu về giá trị lại ở những

di sản văn hóa phi vật thể, chứ không phải là vật thể, mà nó rất cần phải bảo tồn. Tu bổ những di tích này cần những nguyên tắc ứng xử và phương pháp vừa truyền thống vừa hiện đại. Tuy nhiên, khó khăn chính là những giải pháp cụ thể trong từng dự án tu bổ tôn tạo di tích. Chỉ thiên về bảo tồn hoặc tôn tạo là không đủ, không toàn diện với mỗi di tích và yêu cầu đổi mới phát triển. Không thể chỉ máy móc áp dụng các nguyên tắc bảo tồn hiện đại để hoá cứng, đông lạnh "di tích sống" bởi hiện trạng, càng không thể vô tư "sáng tạo" để tôn tạo tùy nghi. Chúng ta biết rằng, di tích với hệ giá trị đặc trưng của nó, đặc biệt là di tích quan trọng, đặc biệt quan trọng với giá trị nổi bật, nếu mất đi thì không thể văn hồi, không thể lấy cái "sáng tạo" hay phát triển "tâm tâm" nào mà đổi được.

Một sự nghiên cứu kỹ càng hệ thống giá trị đặc trưng của di tích, gắn kết hài hoà giữa truyền thống, hiện đại và quan tâm toàn diện đến sự cân bằng, lựa chọn giải pháp tốt nhất để bảo tồn và phát huy giá trị là nhiệm vụ của tác giả dự án cùng những người tham gia vào quá trình quyết định của dự án bảo tồn di tích. Sự cân bằng quan hệ, hài hoà quan hệ phải lấy bảo tồn toàn diện hệ thống giá trị, đặc biệt là những giá trị đặc trưng tiêu biểu nổi bật của di tích làm nền tảng, lấy tôn tạo kiến trúc, quy hoạch và kỹ thuật làm phương tiện để hỗ trợ



Tu bổ đình Chu Quyến, Hà Tây - Ảnh: Đạt Thức

phát huy tác dụng của di tích làm nguyên tắc xử lý mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Đó chính là yêu cầu "quá khứ phải được bảo tồn, tương lai phải được phát triển", mà chi phối quan trọng bởi một dự án tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị di tích ở những năm đầu thế kỷ XXI này.

Sự nghiệp đổi mới của nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới, dự kiến năm nay (2008), đất nước ta sẽ phấn đấu để năm 2009 vượt qua khung của các nước nghèo nhất trên thế giới. Cùng với những thành công ấy, công cuộc tu bổ, bảo tồn di tích cũng cơ bản hoàn thành giai đoạn tu bổ chống xuống cấp để chuyển sang giai đoạn phát triển mới, với nhiều yêu cầu mới. Xét cho cùng, bảo tồn có mục đích tự thân, nhưng mục đích cho hiện tại và tương lai phát triển mới là chính yếu. Không nên áp dụng máy móc các nguyên tắc trong việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo hơn 7 nghìn di tích đã được xếp hạng từ cấp tỉnh trở lên. Chúng tôi mạnh dạn đề xuất mấy điều khác nhau về cách ứng xử đối với các di tích mà xuân này và mai sau chúng ta cần nghĩ tới, đó là:

- Nhà nước cần lựa chọn và phân hạng ngay các di tích quốc gia có giá trị đặc biệt quan trọng và quan trọng, nhất là với những di tích tiêu biểu về giá trị kiến trúc - nghệ thuật, hoặc còn tương đối nguyên gốc, để thực thi toàn vẹn việc quản lý, tu bổ, bảo tồn theo các nguyên tắc khoa học hiện đại, nhằm gìn giữ và phát huy "tính xác thực" và toàn vẹn của di tích, coi đó là việc bảo trọng tài sản văn hoá cho mai sau.

- Với những di tích đặc biệt quan trọng nhưng giá trị đặc trưng tiêu biểu không phải về khảo cổ học hoặc kiến trúc - nghệ thuật và toàn bộ các di tích xếp hạng quốc gia còn lại, vẫn cho phép tôn tạo hài hoà, cởi mở nhất định theo dòng truyền thống để đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại mới.

- Với "nền xưa dấu cũ" của những thời đại và nhân vật lịch sử - văn hoá có tầm vóc nhất định, cố gắng hiến nhất định, những di chỉ khảo cổ có giá trị không cao, nên có biện pháp tưởng niệm, tôn vinh và khắc hoạ rõ nét hơn, những nét mờ, khoảng mờ trong lịch sử - văn hoá thông qua phục hồi, tôn tạo di tích và được quyền đặt dấu ấn nhất định của thời đại vào trong di tích đó.

- Với những di tích mới xếp hạng cấp tỉnh,

cần rà soát để sớm đưa những di tích có giá trị cao hơn lên xếp hạng quốc gia. Phần còn lại về bảo tồn di tích vẫn được ràng buộc bởi pháp luật với sự hướng dẫn, giúp đỡ của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, nhưng có cởi mở hơn để di sản văn hoá thực sự gắn kết với cộng đồng, gắn bó máu thịt với nhân dân và phục vụ yêu cầu phát triển.

- Hoạt động tu bổ di tích là lĩnh vực chuyên ngành, tích hợp cả khoa học kỹ thuật công nghệ, khoa học xã hội nhân văn và nghệ thuật cổ truyền. Riêng về kỹ thuật, xây dựng thì cũng chủ yếu thuộc về kỹ thuật cổ truyền chứ không phải là xây dựng hiện đại. Công tác khảo sát nghiên cứu, tư vấn dự án, thiết kế và thi công tu bổ, bảo tồn, tôn tạo đòi hỏi trí tuệ, trách nhiệm rất cao, thời gian dài và quy trình phức tạp. Không nên chỉ theo quy định chiều cao, kết cấu, tiêu chuẩn ban hành cho công trình hiện đại mà tính cấp công trình di tích là cấp IV để tính chi phí dự án và thiết kế (mức chi phí thấp nhất) cho tu bổ di tích như hiện nay. Chúng tôi xin đơn cử một nghịch lý trên để thấy rằng, cần sửa đổi cách ứng xử với những người làm tu bổ di tích. Từ đây, mới có thể nâng cao hơn chất lượng các dự án, thiết kế tu bổ di tích.

Vào những năm chuyển giao thế kỷ X sang thế kỷ XI, tổ tiên ta đóng cọc Bạch Đằng, nung gạch "Đại Việt quốc quân thành chuyên" để giải quyết yêu cầu của đương thời, xây nền móng rực rỡ non sông Đại Việt. Những năm cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI này, cháu con tu bổ bảo tồn di sản văn hoá/nền tảng tinh thần, ngoài nghĩa vụ với tổ tiên, cũng là giải quyết yêu cầu mới trong phát triển, vì tương lai tươi sáng của dân tộc. Những phân tích và đề xuất trên, xin được xem như một nhiệt tâm góp phần nào tham gia vào việc xây dựng những định chế mới về bảo tồn và phát huy di sản văn hoá đang được nghiên cứu hoàn thiện trong thời gian tới.

D.B.C

Chú thích:

Xem thêm Đoàn Bá Cử, "Hệ thống giá trị đặc trưng và nguyên tắc định hướng tu bổ di tích kiến trúc Việt Nam" trong *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Tập II, Nxb. Thế giới, H. 2005.